

9 Jikanwari
じかんわり

トーイ クアー ビェウ
Thời khoá biểu

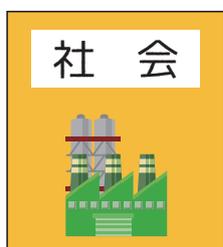


Nijikanme wa nanno benkyou desuka.
2じかんめ は なんの べんきょう ですか。
ティエツ(ト) ハイ ラー ジー
Tiết hai là gì?

Rika desu.
りか です。
ラー ティエツ(ト) コア ホツ(ク)
Là tiết khoa học.



kokugo
こくご
クオツ(ク) グー
Quốc ngữ



shakai
しゃかい
サー ホイ
Xã hội



sansuu
さんすう
トアン
Toán



rika
りか
コア ホツ(ク)
khoa học



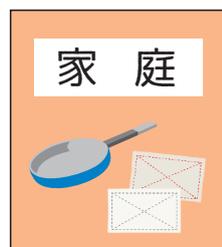
seikatsu
せいかつ
ドイ ソン
Đời sống



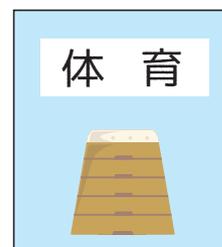
ongaku
おんがく
アム ニヤツ(ク)
Âm nhạc



zugakousaku
ずがこうさく
トウー コン
Thủ công



katei
かてい
ザー チャーン
Gia chánh



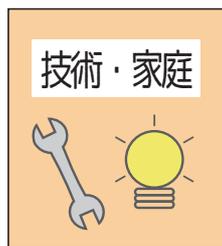
taiiku
たいいく
テー ズツ(ク)
Thể dục



suugaku
すうがく
ソー ホツ(ク)
Số học



bijutsu
びじゅつ
ミー トウアット
Mỹ thuật



gijutsukatei
ぎじゅつかてい
キートラアット ザー チャーン
Kỹ thuật gia chánh



hokentaiiku
ほけんたいいく
テー ズツ(ク) スツ(ク) コエ
Thể dục sức khoẻ



eigo
えいご
ティエン アン
Tiếng Anh



doutoku

どうとく

ダオ ドウツ (ク)

Đạo đức



gaikokugokatsudou

がいこくご
かつどう

ホアツ(ト) ドン グォアイ グー
Hoạt động ngoại ngữ



sougoutekina
gakushuunojikan

そうごうてきな
がくしゅうのじかん

ゾー ホツ(ク) トーン ホツ(ブ)
Giờ học tổng hợp



gakkyuukatsudou

がっきゅうかつどう

シン ホアツ(ト) ロツ(ブ)

Sinh hoạt lớp



kurabukatsudou

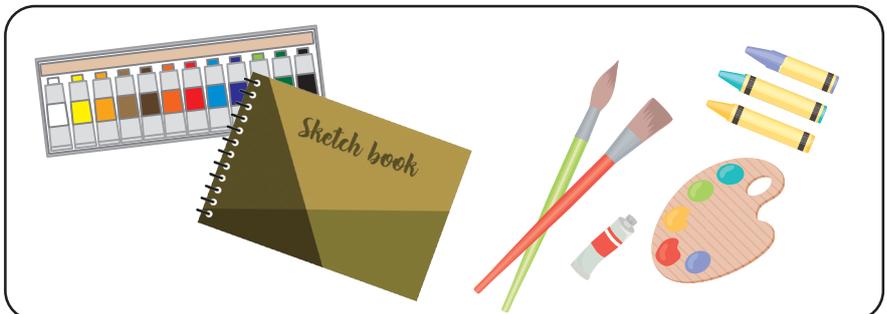
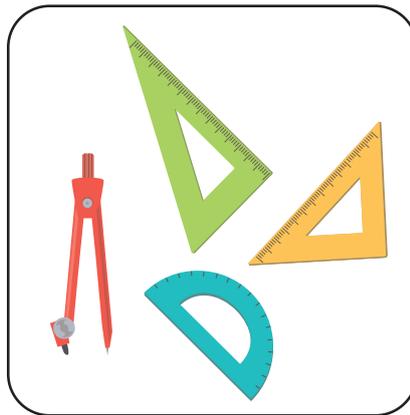
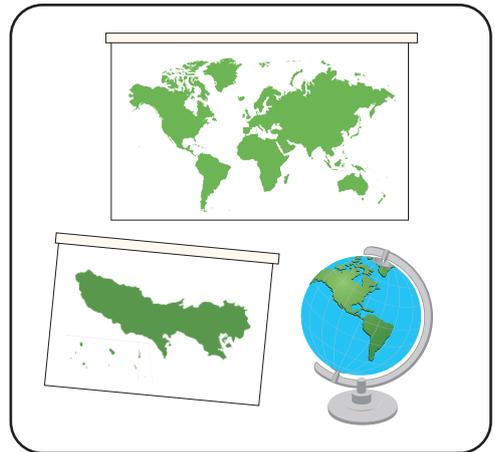
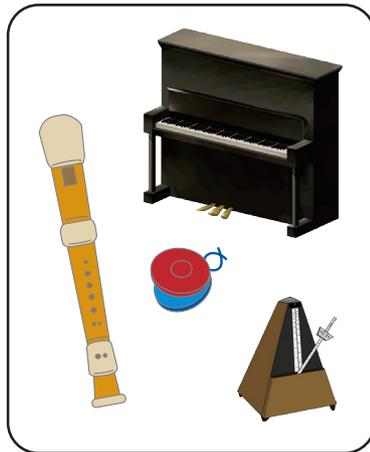
くらぶかつどう

シン ホアツ(ト) カウ ラツ(ク) ホー

Sinh hoạt câu lạc bộ

Dono benkyou de tsukaimasuka.

どの べんきょうで つかいますか。 ニユーン ドー ズーン ナイ ズン チョン モン ホツ(ク) ナオ Những đồ dùng này dùng trong môn học nào?



Jikanwari o tsukurimashou.
 じかんわり を つくりましょう。

ハーイ ラッ (ブ) トーイ クアー ビエウ
 Hãy lập thời khóa biểu.

ji kan wari hyou
 じ かん わり ひょう
時 間 割 表

バン トーイ ホア ビエウ
Bảng thời khóa biểu

nen
 ねん
年

ナム
Năm

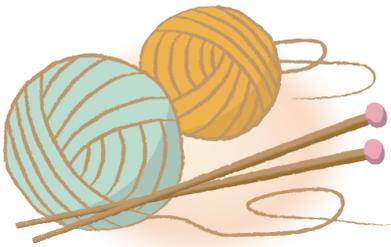
kumi
 くみ
組

トー
TỔ

| | getsu げつ 月 トウー ハイ Thứ hai | ka か 火 トウー バー Thứ ba | sui すい 水 トウー トウ Thứ tư | moku もく 木 トウー ナム Thứ năm | kin きん 金 トウー サウ Thứ sáu |
|----------|---|--|--|--|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |
| 6 | | | | | |
| | | | | | |

Donna kurabu(bu) ni hairitai desuka. ムオン パオ ロップ ホアツ(ト) ドーン ナオ
 どんな クラブ(ぶ) にはいりたい ですか。Muốn vào lớp hoạt động nào?

shugei
しゅげい
 テウー トア
thêu thùa



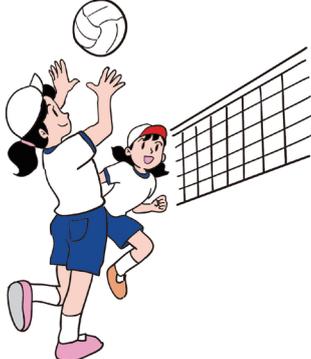
burasubando
ブラスバンド
 バン ケン ドーン
ban kèn đồng



takkyuu
たっきゅう
 ボーン バン
bóng bàn



bareebooru
バレーボール
 ボーン チュエン
bóng chuyền



| | | | |
|----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| manga まんが | チュエン チャー truyện tranh | sakkaa サッカー | ダー ボーン đá bóng |
| ryouri りょうり | ナウ アン nấu ăn | yakyuu やきゅう | ボーン チャイ bóng chày |
| engeki えんげき | ジエン キッ diễn kịch | badominton バドミントン | カウー ロン cầu lông |
| kousaku こうさく | トゥー コン thủ công | rikujou りくじょう | ディエン キン diễn kinh |
| shashin しゃしん | チュップ アン chụp ảnh | suiei すいえい | ボイ ロイ bơi lội |
| konpyuuta コンピュータ | マイ ビ ティン máy vi tính | juudou じゅうどう | ニュー ダオ nhu đạo |